

Name: _____

Date: ... / ... / 20...

Class: S2

Tel: 034 200 9294

GLOBAL ENGLISH 2

Unit 1: A day at school – Grammar 3

A. Grammar.

❖ Present simple (Thì hiện tại đơn)

- Câu khẳng định với động từ chỉ hành động:

Công thức	Ví dụ
I/You/We/They + V (nguyên thể)	- I sing. (Tôi hát.)
He/She/It + V (s/es)	- He sings. (Anh ấy hát.)

V: động từ

*Lưu ý:

- Đa số động từ đều được thêm “s” : *makes, walks, reads, sings, draws, writes, uses...*
- Một số động từ được thêm “es” khi đứng sau **He/She/It**: *goes, passes, washes, teaches, watches,...*

B. Homework.

I. Circle the correct answer. (Khoanh tròn đáp án đúng)

0. She _____ books every day.

- A. read **(B) reads** C. reading

1. Mom _____ the computer in the evening.

- A. uses B. use C. using

2. He _____ me how to cook.

- A. teach B. teaches C. teaches

3. Bob _____ a white rabbit.

- A. draws B. draw C. drawing

4. They _____ to Mary's house at 9 o'clock.

- A. goes B. go C. going

5. I _____ fast (*nhanh*).

- A. walks B. walking C. walk

II. Tick (✓) in the box. (Con hãy đánh dấu ✓ vào ô đúng)

- | | | | |
|---------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|--------------------------|
| 0. I go to school at 6 o'clock. | ☒ | 3. She do Maths at 6 o'clock. | ☐ |
| I to school go at 6 o'clock. | ☐ | She does Maths at 6 o'clock. | ☐ |
| 1. It go after me. | ☐ | 4. They watch TV at home. | ☐ |
| It goes after me. | ☐ | They watches TV at home. | ☐ |
| 2. We sing in our room. | ☐ | 5. I makes a red cake. | ☐ |
| We sings in our room. | ☐ | I make a red cake. | ☐ |

III. Choose the correct verb form. (Chọn dạng đúng của động từ)

- | | | |
|--|----------|----------------|
| 0. We (play) piano every morning. | A. plays | B. play |
| 1. Joey (bake) a cake in the afternoon. | A. bake | B. bakes |
| 2. She (wash) her clothes in the evening. | A. washs | B. washes |
| 3. He (go) to school every day. | A. goes | B. go |
| 4. They (teach) English at school. | A. teach | B. teaches |
| 5. I (wear) black pants today. | A. wear | B. wears |

IV. Rearrange the sentences. (Con hãy sắp xếp thành câu có nghĩa)

0. go / I / to school / by bike.

⇒ I go to school by bike.

1. in the garden. / grows / Danny / a lemon tree

⇒ _____.

2. I / bread / eat / for breakfast.

⇒ _____.

3. at 10 o'clock. / washes / My sister / the dishes

⇒ _____.

4. We / the music / hear / from the TV.

⇒ _____.

https://drive.google.com/file/d/1Ddw-GPBYgHnzd8rtFKylluWXhG2_n4GL/view?usp=sharing

Listening

Part I

- 5 questions -

Listen and draw lines. There is one example.

May

Sally

Fred



Pat

Jack

Peter

I. Write the correct day in the order of time. (Con điền ngày theo thứ tự chính xác)

0.	Monday	Tuesday
1.	Wednesday	_____
2.	Friday	_____
3.	Sunday	_____
4.	Thursday	_____

II. Tick (✓) in the box. (Con hãy đánh dấu ✓ vào ô đúng)

0. I go to school at 6 o'clock.	☒	3. It six o'clock.	☐
I to school go at 6 o'clock.	☐	It's six o'clock.	☐
1. What time is it?	☐	4. John wakes up at 5 o'clock.	☐
What is time it?	☐	John wakes up in 5 o'clock.	☐
2. It's 8 seven o'clock.	☐	5. I have breakfast 8 o'clock.	☐
It's seven o'clock.	☐	I have breakfast at 8 o'clock.	☐